

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 3 - 2025

Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024; về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Như N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số E, đường P, tổ F, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số E, đường P, tổ F, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Trần Thị Như N, anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có lối sống ích kỷ, nhỏ nhen, thiếu tôn trọng chị N, thường ghen tuông, nghi ngờ chị N vô cớ, khi chị N khuyên bảo, động viên thì bị anh H gây gổ, chửi bới, xúc phạm. Trước đây chị N đã từng khởi kiện ly hôn, tuy nhiên vì thương con và muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên đã rút đơn, bỏ qua. Tuy nhiên, cuộc sống vẫn không hoà hợp được, do không chịu được cảnh bị anh H xúc phạm nên chị N đã bỏ về nhà ngoại sinh sống, nhưng anh H vẫn tìm cách xúc phạm, gây gổ. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc H:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 26/12/2024 bút lục 31 thể hiện:

Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số E, đường P, tổ F, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại biên bản xác minh ngày 26/11/2024, bút lục 30 thể hiện:

Anh H, chị N chung sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H ghen tuông nghi ngờ chị N ngoại tình, nên thường xuyên kiểm chuyện, gây gổ, chửi bới và xúc phạm chị N. Mặc dù đã được các con nhiều lần tác động, khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi được. Trước đây, chị N bị anh H đánh nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nhưng vẫn bị anh H tìm cách chửi bới, xúc phạm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị N được ly hôn với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị Như N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc H không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Như N nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị Trần Thị Như N, anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh H thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Cả hai đã không còn sống chung và không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau; hiện nay chị N không còn tình cảm với anh H nên đề nghị giải quyết ly hôn. Bản thân anh H sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến, điều đó chứng tỏ anh H cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị N. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nên, cần xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Như N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Như N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 15/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Trần Thị Như N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0004844, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

Trần Đình Trường